

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----o0o-----

Bản án số: **203/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/4/2021

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lý Thị Tường Nga

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thành

2. Ông Tạ Đức Minh

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thu Hà - Cán bộ Toà án nhân dân quận Long Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Ông Bùi Bách Thành- Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 696/2020/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXX ngày 26 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị NTBT, sinh năm 1992

Trú tại: Cụm 9 Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội.

Bị đơn: Anh NNC, sinh năm 1991

HKTT: Số 317 tổ 36 phường NT Q.LB, TP. Hà Nội.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam số 5 – Tỉnh Thanh Hóa.

(Chị T và anh C đều có đơn xin vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn, chị NTBT trình bày:

Chị NTBT và anh NNC kết hôn ngày 13/9/2012 tại UBND phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, TP Hà Nội. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách không

hợp nhau, không có tiếng nói chung, anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Năm 2019 anh C bị bắt về tội Trộm cắp tài sản” bị kết án 01 năm 06 tháng tù và hiện đang chấp hành án tại trại giam số 5 tỉnh Thanh Hóa. Chị T xác định mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình cảm vợ chồng nên đề nghị ly hôn với anh C.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh NNC tại biên bản lấy lời khai và các văn bản tố tụng khác có lời khai và trình bày: Anh xác định anh và chị T kết hôn ngày 13/9/2012 tại UBND phường Ngọc Thụy, sau khi kết hôn anh chị sống không hạnh phúc do tính cách không hợp nhau. Năm 2016 anh chủ động xin ly hôn nhưng chị T không đồng ý. Anh C vào TP Hồ Chí Minh sinh sống còn chị T về nhà bố mẹ đẻ ở, anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Hiện anh C đang chấp hành án tại trại giam số 5 tỉnh Thanh Hóa, anh C xác định mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài nhưng không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, không ký các văn bản tố tụng mà không nêu lý do.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, TAND quận Long Biên đã xác minh tại chính quyền địa phương theo quy định pháp luật, lấy lời khai của bà ĐTO là mẹ đẻ của anh NNC thể hiện: Chị T và anh C sau khi kết hôn có sinh sống cùng bà O tại địa chỉ số 317 tổ 36 NT, quá trình chung sống, anh chị không hợp nhau, xảy ra nhiều mâu thuẫn. Sau khi anh C đi chấp hành án, chị T chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống, nay chị T xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tại phiên toà phát biểu ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị NTBT đối với anh NNC. Về con chung: Anh chị không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị xác định không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả diễn biến tại phiên toà, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Chị NTBT khởi kiện vụ án về việc “Tranh chấp ly hôn” đối với bị đơn là anh NNC có nơi cư trú tại số 317 tổ 36 NT, quận LB, TP Hà Nội. TAND quận Long Biên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án chị T, anh C đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về quan hệ hôn nhân:** Chị NTBT và anh NNC kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, TP.Hà Nội ngày 13/9/2012. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, chị T và anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn trong quá trình chung sống, nguyên nhân do tính cách, quan điểm sống bất đồng. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay chị T xác định mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn với anh C. Trong các biên bản làm việc với Tòa án, anh C xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2014 đến nay như chị T trình bày, mặc dù anh C không có quan điểm về yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống chung giữa chị T và anh C không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn ly hôn của chị NTBT là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

*** Về con chung:** Anh chị không có con chung nên không xem xét.

*** Về tài sản chung, nợ chung:** Chị T và anh C đều xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

*** Về án phí:** Chị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị NTBT.

Chị NTBT được ly hôn với anh NNC.

2. Về con chung: Anh chị không có con chung nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh C đều xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị NTBT phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng số 0016680 ngày 01/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, TP Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, chị NTBT, anh NNC có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hà Nội
- VKSND q. Long Biên
- Chi cục THADS q. Long Biên
- UBND P. Ngọc Thụy s-Q Long Biên
- TP. Hà Nội.
- Các đương sự
- Lưu HS
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thị Tường Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà